

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Sản phẩm bổ sung vốn lưu động dành cho khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ 2

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

- Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Quyết định số 85/24/BVBank/QĐ-HĐQT của HĐQT v/v ban hành Quy chế cấp tín dụng ngày 26/06/2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
- Căn cứ Quyết định số 96/2022/QĐ-TT.DVKH ngày 10/05/2022 của TGD v/v ban hành Quy định về phát triển và phê duyệt của sản phẩm và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
- Căn cứ Quyết định số 400/24/BVBank/QĐ-TGD ngày 01/10/2024 của TGD v/v Phân công nhiệm vụ Ban điều hành;
- Theo đề nghị của P.PTSP KHDN tại Tờ trình số 019468/2024/TTr-0692207 ngày 02/12/2024 về việc ban hành “Sản phẩm bổ sung vốn lưu động dành cho khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ 2”

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là “**Sản phẩm bổ sung vốn lưu động dành cho khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ 2**”.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16/12/2024
- Điều 3.** Các Ông/Bà Lãnh đạo, Khối, Phòng ban và các Đơn vị tại HO, ĐVKD và các cá nhân có liên quan trong hệ thống BVBank chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TGD (để báo cáo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: P.HC, P.PTSP KHDN;
- Trang QLVB.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỐI KHDN

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Ngọc Nghiệm

SẢN PHẨM BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 495/24/BVBank/QĐ-KHDN ngày 11/12/2024)

Số Quyết định : 495/24/BVBank/QĐ-KHDN

Ngày Quyết định : 11/12/2024

Cấp ban hành: Tổng Giám đốc

Kỳ rà soát gần nhất: Ban hành lần đầu

TÀI LIỆU SỬ DỤNG NỘI BỘ

MỤC LỤC

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT	4
I. TÓM TẮT SẢN PHẨM	4
II. CHI TIẾT SẢN PHẨM.....	4
III. QUY TRÌNH THỰC HIỆN	9
IV. DANH MỤC HỒ SƠ.....	9
V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	9
VI. HIỆU LỰC THI HÀNH	10

Nguyen Dang Khoa 8
khoand8@bvbank.net.vn 12/12/2024 09:22:03

I. TÓM TẮT SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm bổ sung vốn lưu động dành cho khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ 2

2. Phạm vi áp dụng và đối tượng áp dụng:

a. **Phạm vi áp dụng:** Quy định sản phẩm này được áp dụng tại ĐVKD KHCN và ĐVKD KHDN (bao gồm nhân sự QHKH CN và QHKH DN) tham gia cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ 2 (MSME2) trên toàn hệ thống BVBank.

b. **Đối tượng áp dụng:**

Sản phẩm cấp tín dụng dành cho KHDN thuộc phân khúc Khách hàng siêu nhỏ (sau đây gọi tắt là KH) để bổ sung vốn lưu động ngắn hạn, vốn lưu động trả góp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Mã sản phẩm:

Stt	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm
1	2.1.3.00.05	VLD-MSME2-DN
2	2.1.3.00.06	VLD-MSME2-CN
3	2.1.3.00.07	VLD-TG-MSME2-DN
4	2.1.3.00.08	VLD-TG-MSME2-CN

4. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt:

Từ ngữ/viết tắt	Giải thích từ ngữ
BBH	Biên bản họp
QHKH DN	Quan hệ khách hàng doanh nghiệp
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
DN	Doanh nghiệp
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
HĐTV	Hội đồng thành viên
QHKH CN	Quan hệ khách hàng cá nhân
TKTT	Tài khoản đảm bảo thanh toán
TVGV	Thành viên góp vốn

Các từ ngữ, từ viết tắt khác chưa được nêu tại Sản phẩm này thì thống nhất sử dụng theo Phụ lục 01A. Danh mục từ viết tắt và giải thích từ ngữ ban hành kèm theo Quyết định 299/24/BVBank/QĐ-QLRR ngày 18/07/2024 v/v Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 426/23/BVBank/QĐ-QLRR ngày 18/12/2023 của TGD về việc ban hành quy định soạn thảo và ban hành văn bản, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ.

II. CHI TIẾT SẢN PHẨM

1	Điều kiện KH	Stt	Tiêu chí	Điều kiện
		a.	XHTD	CCC trở lên
		b.	Thời gian thành lập và hoạt động	≥ 12 tháng Trường hợp KH được chuyển đổi loại hình DN từ một DN khác/Loại hình kinh doanh khác thì thời gian hoạt động được cộng dồn, căn cứ vào thời điểm ĐKKD của DN/Loại hình kinh doanh trước khi chuyển đổi. (Bảo đảm thời gian hoạt động liên tục và cùng ngành nghề kinh doanh với ngành nghề CTD)
		c.	Kinh nghiệm người điều hành	≥ 24 tháng
		d.	Lịch sử quan hệ tín dụng: CIC KH và CIC TVGV chính và CIC Người đại diện pháp luật	Không phát sinh nợ nhóm 2 trong 12 tháng gần nhất, không phát sinh nợ nhóm 3-5 (bao gồm nợ xấu đã xử lý rủi ro và nợ bán VAMC) trong 3 năm gần nhất.
2	Phương thức cho vay	Cho vay bổ sung VLD		Cho vay bổ sung VLD trả góp
3	Hình thức CTD	Hạn mức/ Từng lần		Từng lần
	Thời hạn CTD	- Hạn mức tín dụng ¹ : Tối đa 36 tháng. Thời gian từng GNN tối đa 12 tháng. - Cho vay từng lần: Tối đa 12 tháng.		- Cho vay từng lần: Tối đa 36 tháng
	Phương thức trả nợ	- Trả gốc: Cuối kỳ - Trả lãi: Hàng tháng		- Trả gốc: Định kỳ hàng tháng/quý - Trả lãi: Hàng tháng
	Nghiệp vụ CTD	- Cho vay bổ sung VLD - Phát hành bảo lãnh - Phát hành Thẻ tín dụng DN		- Cho vay bổ sung VLD trả góp - Phát hành Thẻ tín dụng DN
	Cam kết chuyển dòng tiền	- KH cam kết chuyển dòng tiền về TKTT của KH mở tại BVBank tối thiểu 120% doanh số giải ngân		- KH cam kết chuyển dòng tiền về TKTT của KH mở tại BVBank tối thiểu 120% dư nợ bình quân trong kỳ đánh giá. Định kỳ đánh giá dòng tiền

¹ Theo Quy định 300/24/BVBank/QĐ-QLRR ngày 18/07/2024 của TGD v/v ban hành Quy định thời hạn hạn mức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ (nếu có)

		trong kỳ đánh giá. Định kỳ đánh giá dòng tiền 06 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	06 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
4	Mục đích CTD	Bổ sung VLĐ	
5	Loại tiền CTD	Đồng Việt Nam (VNĐ)	
6	Phương thức giải ngân	Thực hiện theo quy định BVBank từng thời kỳ ²	
7	Tài sản bảo đảm	Sổ tiết kiệm, Hợp đồng tiền gửi, Bất động sản, PTVT là xe ô tô mới ³ .	
8	Mức CTD tối đa/KH	- Mức CTD VLĐ: Tối đa 4 tỷ đồng - Thẻ tín dụng DN: Tối đa 200 triệu đồng	
9	Lãi suất và phí	Theo quy định BVBank từng thời kỳ.	
10	Hạn mức phán quyết sản phẩm	- Đối với KH do QHKH DN quản lý: Theo quy định BVBank ban hành từng thời kỳ ⁴ - Đối với KH do QHKH CN quản lý: Phê duyệt tập trung tại TT.TĐTD CN và hạn mức phán quyết theo quy định BVBank ban hành từng thời kỳ ⁴	
11	Tỷ lệ CTD	Theo quy định do BVBank ban hành từng thời kỳ ⁵	
12	Thẩm định, lập phương án CTD	Theo quy định do BVBank ban hành từng thời kỳ ⁶ .	
13	Quy trình CTD	Thực hiện theo Quy trình CTD khung do BVBank ban hành từng thời kỳ ⁷ .	
14	Quy trình tái cấp	a. ĐVKD thực hiện đánh giá theo quy định của BVBank trong từng thời kỳ ⁸ . b. Trường hợp KH do QHKH CN quản lý có tiêu chí vượt ngưỡng Mức CTD tối đa/KH: QHKH CN chuyển sang QHKH DN thực hiện đánh giá theo quy định của BVBank trong từng thời kỳ ⁶	

² Theo Quy định 59/2018/QĐ-QLRRTD ngày 30/03/2018 Ban hành Quy định phương thức giải ngân vốn vay và/hoặc các văn bản sửa đổi bổ sung thay thế trong từng thời kỳ (nếu có)

³ Theo Quy định 197A/2020/QĐ-ĐGTSBĐ ngày 26/6/2020 Ban hành quy định định giá tài sản đảm bảo và/hoặc các văn bản sửa đổi bổ sung thay thế trong từng thời kỳ (nếu có)

⁴ Theo Quyết định 24/24/BVBank/QĐ-QLRR ngày 31/01/2024 V/v ban hành Quy định phân quyền phán quyết trong hoạt động cấp tín dụng và các văn bản sửa đổi bổ sung theo từng thời kỳ (nếu có);

⁵ Theo Quyết định 322/24/BVBank/QĐ-QLRR ngày 08/08/2024 của TGD v/v ban hành Quy định tỷ lệ LTV tối đa đối với tài sản đảm bảo là bất động sản và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); Quyết định 218/2017/QĐ-QLRR TD ngày 17/10/2017 của TGD về việc Ban hành Quy định nhận tài sản đảm bảo là Động sản và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

⁶ Theo Quyết định 67/2023/QĐ-TĐTD ngày 13/03/2023 Ban hành Quy trình thẩm định và xét duyệt tín dụng KHCN và Quyết định 68/2023/QĐ-TĐTD ngày 13/03/2023 Ban hành Quy trình thẩm định và xét duyệt tín dụng KHDN; Hướng dẫn thẩm định cấp tín dụng đối với Khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ 2 (MSME 2) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

⁷ Theo Quyết định 49/2023/QĐ-RRTD ngày 01/03/2023 Về việc Ban hành Quy trình cấp tín dụng khung và/hoặc các văn bản sửa đổi bổ sung thay thế trong từng thời kỳ (nếu có);

⁸ Theo Quyết định 49/2023/QĐ-RRTD ngày 01/03/2023 Về việc Ban hành Quy trình cấp tín dụng khung; Quyết định 331/24/BVBank/QĐ-TĐTD ngày 07/08/2024 Về việc Ban hành Hướng dẫn thẩm định tái cấp hạn mức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

15	Luồng trình hồ sơ	<p>a. Trường hợp ĐVKD trình lên TT.TĐTD TC 2/TT.TĐTD CN, áp dụng theo luồng nhanh⁹, khi thỏa mãn các tiêu chí theo quy định của sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - KH có giá trị CTD từ 4 tỷ đồng trở xuống và/hoặc Thẻ tín dụng DN tối đa 200 triệu - TSBĐ: Thỏa điều kiện theo quy định sản phẩm - Ngoại lệ: Không phát sinh <p>Quy định thời gian phê duyệt SLA tối đa: SLA: 1 ngày; TAT: 7 ngày⁹</p> <p>b. Áp dụng luồng thông thường: Hồ sơ không thỏa điều kiện nêu tại điểm (a) khoản này</p> <p>c. Phương thức trình hồ sơ: Hồ sơ trình qua App TĐTD</p>
16	Điều kiện CTD khác	<p>a. Có cam kết trả nợ thay của 01 thành viên góp vốn chính là cá nhân có tỷ lệ góp vốn cao nhất (ngoại trừ DNTN).</p> <p>b. Khuyến nghị khách hàng ký Hợp đồng chi lương cho CBNV¹⁰.</p>
17	Kiểm tra giám sát sau CTD	Theo quy định do BVBank ban hành từng thời kỳ ¹¹
18	Ngoại lệ sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với KH do QHKH CN quản lý: Các trường hợp ngoại lệ sản phẩm này, TT.TĐTD CN được quyền phê duyệt (ngoại trừ điều kiện Mức CTD tối đa/KH). - Đối với KH do QHKH DN quản lý: Các trường hợp không thỏa mãn sản phẩm này hoặc vượt phân quyền phán quyết: ĐVKD trình cấp thẩm quyền phê duyệt từ TT.TĐTD TC 2 trở lên.
19	Nội dung khác	- Các nội dung khác không quy định trong sản phẩm này sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của BVBank trong từng thời kỳ.
III HIỆU LỰC THI HÀNH		
<p>Trong Sản phẩm này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến quy định hiện hành của BVBank hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc các văn bản thay thế chúng. Trường hợp pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các nội dung của Sản phẩm này trái với quy định pháp luật hoặc có những nội dung mà Sản phẩm này không quy định thì thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc các văn bản có liên quan khác của BVBank.</p>		

⁹ Theo Thông báo 195/24/BVBank/TB-TĐTD, ngày 07/06/2024 V/v quy định thời gian xử lý nghiệp vụ tại các Trung tâm thẩm định tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

¹⁰ Thực hiện theo Quy định 86/2022/QĐ-KHDN ngày 29/04/2022 về việc ban hành dịch vụ chi hộ lương và các văn bản sửa đổi bổ sung theo từng thời kỳ (nếu có);

¹¹ Theo Quyết định 49/2023/QĐ-RRTD ngày 01/03/2023 Về việc Ban hành Quy trình cấp tín dụng khung; Quyết định 117/2021/QĐ-QLRR TD ngày 22/04/2021 về việc Ban hành Quy định quản lý tài sản bảo đảm; Quyết định 92/2022/QĐ-QLTD ngày 04/05/2022 về việc ban hành Quy định Giám sát tín dụng và/hoặc các văn bản sửa đổi bổ sung thay thế trong từng thời kỳ (nếu có).

DANH MỤC PHỤ LỤC, BIỂU MẪU KÈM THEO

Stt	Tên biểu mẫu	Ký mã hiệu
1.	Danh mục hồ sơ	Phụ lục 01
2.	Hướng dẫn kiểm tra giám sát sau cấp tín dụng	Phụ lục 02
3.	Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án cấp tín dụng	MB01.MSME2.24
4.	Tờ trình thẩm định và đề xuất cấp tín dụng cho KHDN	MB02.MSME2.24
5.	Thông tin kiểm tra, giám sát từ xa	MB03.MSME2.24
6.	Biên bản kiểm tra thực tế sau cấp tín dụng	MB04.MSME2.24

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC HỒ SƠ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 495/24/BVBank/QĐ-KHDN ngày 11/12/2024)

TT	HỒ SƠ	LOẠI CHỨNG TỪ	GHI CHÚ	Thời điểm cung cấp	
				Trước phê duyệt	Sau phê duyệt
I	Hồ sơ pháp lý				
1.	Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận ĐKKD, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư	Bản sao DN		✓	
2.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	Bản sao DN	Nếu thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật	✓	
3.	Điều lệ doanh nghiệp	Bản sao DN	Không áp dụng cho DNTN	✓	
4.	Danh sách cổ đông/thành viên hiện hữu sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên	Bản sao DN	Chỉ áp dụng đối với Công ty cổ phần và Công ty TNHH 2TV trở lên	✓	
5.	Hộ chiếu/CCCD/ Căn cước/ Giấy tờ tùy thân của Người đại diện pháp luật/ TVGV chính > 30% vốn điều lệ	Bản sao DN		✓	
6.	Quyết định của HĐQT/ HĐTV v/v bổ nhiệm Người Đại diện pháp luật.	Bản sao DN	Ngoại trừ trường hợp GCN ĐKKD/ Điều lệ/ Biên bản họp... đã thể hiện nội dung này		✓
7.	- Đối với KH là chủ DNTN, bổ sung thêm hồ sơ của KH và vợ/chồng của KH là chủ DNTN: + CCCD/hộ chiếu/ Căn cước/Giấy tờ tùy thân/Các giấy tờ có giá trị tương đương + Đăng ký kết hôn/xác nhận tình trạng hôn nhân còn hiệu lực	Bản sao DN	Chỉ áp dụng đối với DNTN	✓	
8.	Văn bản ủy quyền giao dịch với BVBank (nếu có) của người Đại diện theo pháp luật cho cá nhân khác trong doanh nghiệp	Bản chính	Chỉ áp dụng khi có ủy quyền		✓
9.	Hộ chiếu/CCCD/Căn cước/ Giấy tờ tùy thân của người	Bản sao DN	Chỉ áp dụng khi có ủy quyền		✓

TT	HỒ SƠ	LOẠI CHỨNG TỪ	GHI CHÚ	Thời điểm cung cấp	
				Trước phê duyệt	Sau phê duyệt
	được ủy quyền (nếu có ủy quyền)				
II	Hồ sơ năng lực tài chính & hoạt động kinh doanh				
10.	Bảng cân đối kế toán gần nhất	Bản chính		✓	
11.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gần nhất	Bản chính		✓	
III	Hồ sơ tài sản đảm bảo:				
	Thực hiện theo quy định Bộ mẫu biểu đính kèm Quy trình CTD khung BVBank ban hành từng thời kỳ ¹²				
IV	Hồ sơ CTD				
12.	Hợp đồng kinh tế/nguyên tắc/hợp đồng thi công xây lắp/hợp đồng đại lý/... đã ký kết, biên bản giao nhiệm vụ của Đơn vị chủ quản,...	Bản sao DN		✓	
13.	CIC của KH, Người ĐDPL, Thành viên góp vốn chính	Bản in từ hệ thống CIC		✓	
14.	BBH/Văn bản phê duyệt của HĐQT/HĐTV/ĐHĐCĐ về việc vay vốn, dùng tài sản bảo đảm, nhận bảo lãnh từ bên thứ 3 theo Điều lệ của tổ chức và theo quy định pháp luật.	Bản chính	Mẫu biểu Biên bản họp tham khảo ¹³		✓
15.	Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án cấp tín dụng	Bản chính	ĐVKD thực hiện theo biểu mẫu số MB01.MSME2.24 đính kèm Quyết định này	✓	
V	Hồ sơ giải ngân				
16.	Chứng từ sử dụng vốn: Hợp đồng mua bán/Đơn đặt hàng/ Bảng kê thu mua hàng hóa mua vào không có HĐ/ hóa đơn bán hàng thông thường/ hóa đơn VAT. Các nội dung khác thực hiện theo Quy định v/v CTD, bộ mẫu biểu và tác nghiệp dành cho KHDN vừa nhỏ và siêu nhỏ do BVBank ban hành từng thời kỳ ¹⁴ .				

¹² Theo Quyết định số 264/2018/QĐ-QLRR, ngày 12/11/2018 v/v ban hành bộ mẫu biểu chung đi kèm quy trình cấp tín dụng khung và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

¹³ Theo Quy định 325/2022/QĐ-RRTD ngày 01/11/2022 Quy định v/v Cấp tín dụng, bộ mẫu biểu và tác nghiệp dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa nhỏ và siêu nhỏ và các văn bản sửa đổi bổ sung theo từng thời kỳ (nếu có);

¹⁴ Theo Quy định 325/2022/QĐ-RRTD ngày 01/11/2022 Quy định v/v cấp tín dụng, bộ mẫu biểu và tác nghiệp dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa nhỏ và siêu nhỏ và các văn bản sửa đổi bổ sung theo từng thời kỳ .

❖ **Ghi chú:**

- Cung cấp số liệu BCTC bao gồm Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh (Chấp nhận BCTC nộp thuế):
 - + Trường hợp thời gian thành lập n: $n > 2$ năm: 02 năm tài chính gần nhất và thời điểm gần nhất/quý gần nhất quy định chi tiết bên dưới.
 - + Trường hợp thời gian thành lập n: $1 \text{ năm} < n < 2$ năm: 01 năm tài chính gần nhất và thời điểm gần nhất/quý gần nhất quy định chi tiết bên dưới.
 - + Trường hợp thời gian thành lập n: $n < 1$ năm: thời điểm gần nhất/quý gần nhất quy định chi tiết bên dưới.
 - + Trường hợp TSBĐ là Hợp đồng tiền gửi/Sổ tiết kiệm: 01 năm tài chính gần nhất và thời điểm gần nhất/quý gần nhất quy định chi tiết bên dưới.
 - + Báo cáo thời điểm gần nhất/quý gần nhất tối thiểu phải có (trường hợp có BCTC gần hơn, ĐVKD có thể sử dụng):

Thời điểm đề nghị CTD (năm n)	Thời điểm lập BCTC
Quý 1	Quý 2 năm (n-1)
Quý 2	Năm (n-1)
Quý 3	Năm (n-1)
Quý 4	Quý 2 năm n

PHỤ LỤC 02**HƯỚNG DẪN KIỂM TRA GIÁM SÁT SAU CẤP TÍN DỤNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 495/24/BVBank/QĐ-KHDN ngày 11/12/2024)

I. Giám sát từ xa định kỳ

- Thực hiện kiểm tra khách hàng thông qua dữ liệu hệ thống từ các ứng dụng nội bộ của BVBank và/hoặc nguồn thông tin đáng tin cậy khác từ bên thứ ba (nếu có);
- Việc kiểm tra định kỳ được thực hiện 03 tháng/lần kể từ ngày ký HĐTD (theo mẫu MB03.MSME2.24 phần Thông tin kiểm tra, giám sát từ xa);
- Kiểm tra, giám sát từ xa bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

1. Kiểm tra thông tin KH từ các ứng dụng nội bộ của BVBank**a) Hệ thống báo cáo nội bộ - Printing:**

- + Trường dữ liệu xuất báo cáo:

BAO_CAO_THEO_DOI_DONG_TIEN_VE_VCCB_SME

- + Kiểm tra việc thực hiện chuyển dòng tiền khách hàng về BVBank định kỳ 06 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên:

<i>Trường hợp:</i> Cho vay bổ sung VLD	Dòng tiền chuyển về BVBank $\geq 120\%$ x Doanh số giải ngân trong kỳ đánh giá
<i>Trường hợp:</i> Cho vay bổ sung VLD trả góp	Dòng tiền chuyển về BVBank $\geq 120\%$ x Dư nợ bình quân trong kỳ đánh giá

- b) Hệ thống giám sát nợ (<https://lms.bvbank.net.vn/>): kiểm tra cấp độ cảnh báo của khách hàng gần nhất không thuộc Cấp độ 3 trở lên.

- c) Chương trình blacklist: Không thuộc danh sách blacklist.

2. Kiểm tra KH từ các nguồn thông tin đáng tin cậy từ bên thứ ba**a) Thông tin từ các trang điện tử của các Cơ quan nhà nước**

- + Cổng thông tin quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (website: dangkykinhdoanh.gov.vn): kiểm tra thông tin KH nhưng không giới hạn các nội dung sau: tình trạng hoạt động, thay đổi tên DN, thay đổi loại hình DN, thay đổi thành viên góp vốn/chủ sở hữu/ đại diện pháp luật, thay đổi địa điểm kinh doanh, thông tin tòa án (nếu có) ...

- + Trang tra cứu thông tin hóa đơn – Tổng cục thuế (Website tracuuhoadon.gdt.gov.vn/dnrrvp.html): Thông tin doanh nghiệp có rủi ro vi phạm.

- b) Thông tin thu thập từ các phương tiện truyền thông khác (nếu có): bao gồm các thông tin tiêu cực, vi phạm pháp luật như nợ BHXH, nợ thuế...

II. Kiểm tra thực tế

1. Định kỳ 06 tháng/lần kể từ ngày ký HĐTD hoặc trường hợp khách hàng vi phạm/có thông tin đánh giá tiêu cực đối với 1 trong các nội dung tại Mục I - Giám sát từ xa định kỳ phụ lục này thì phải thực hiện kiểm tra thực tế và đánh giá tình hình kinh doanh của khách hàng.

2. Nội dung kiểm tra thực tế bao gồm:

- a) Đánh giá chi tiết theo các nội dung tại biểu mẫu MB04.MSME2.24 – phần Biên bản kiểm tra thực tế sau cấp tín dụng), đánh giá/nhận diện sớm các rủi ro và đề xuất biện pháp quản lý phù hợp/kịp thời.
- b) Chụp ảnh địa điểm tại thời điểm kiểm tra:
 - + Hình ảnh phải đảm bảo có nhân viên kiểm tra trong ảnh chụp;
 - + Tối thiểu 02 ảnh chụp tại thời điểm kiểm tra của: địa điểm kinh doanh/ trụ sở hoạt động/ kho hàng thể hiện việc khách hàng đang hoạt động

III. Các nội dung khác:

1. Thực hiện theo nội dung quy định tại Quyết định 49/2023/QĐ-RRTD ngày 01/03/2023 Về việc Ban hành Quy trình cấp tín dụng khung và các văn bản sửa đổi/bổ sung có liên quan còn hiệu lực theo từng thời kỳ.
2. ĐVKD chủ động thu thập bổ sung hồ sơ tài chính tối thiểu bao gồm: Bảng cân đối kế toán năm gần nhất, Kết quả hoạt động kinh doanh năm gần nhất.